

Bản án số: 63/2021/HS-ST
Ngày 25-9-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Hữu Lệ và ông Nguyễn Đức Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Đoàn Văn T, sinh năm 1983, tại xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; G tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị V; có vợ và 3 con; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bản án số 14/ST ngày 30/12/2003, TAND huyện A, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt là 2.305.000 đồng). Ngày 28/01/2005, T chấp hành xong hình phạt tù của bản án.

- Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 06/02/2013, Chủ tịch UBND huyện A, tỉnh Hưng Yên quyết định đưa người vào Trung tâm chữa bệnh – Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Hưng Yên đối với Đoàn Văn T, thời hạn 12 tháng. Ngày 07/02/2014, T chấp hành xong quyết định;

- Bản án số 37/2014/HSST ngày 29/9/2014, TAND huyện Bình Giang, tỉnh

Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 26/5/2016, T chấp hành xong toàn bộ bản án;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/7/2021 đến ngày 13/7/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Phạm Văn D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương;

Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Vũ Văn G, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ một ngày cuối tháng 6/2021, Đoàn Văn T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, không đeo biển kiểm soát (do T mượn, của bạn tên Đức, không xác định được nhân thân, lại lịch cụ thể) đi từ nhà ở thôn S, xã P, huyện A, tỉnh Hưng Yên theo đường Quốc lộ 38 đến huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương để tìm xem ai có tài sản sơ hở thì chiếm đoạt. Khi đi đến khu vực chân cầu Tranh 2, thuộc thôn Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, T dừng xe đứng quan sát, phát hiện thấy trong vườn nhà bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1953 ở thôn Châu Khê, xã Thúc Kháng, cách đường QL 38 khoảng 30m, có để nhiều ống bơm tĩnh (ống dẫn bê tông tươi) bằng kim loại hình trụ tròn, mỗi đoạn ống dài 03m, đường kính 15cm được nối với nhau bằng các khóa chốt kim loại hình tròn, đường kính 19cm (là tài sản của anh Phạm Văn D, sinh năm 1988, ở thị trấn K, huyện B, tỉnh Hải Dương gửi tại vườn nhà bà Th từ ngày 15/6/2021) nên nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. T dựng xe mô tô trên đường Quốc lộ 38, đi bộ theo bờ ruộng, sau đó lội qua mương nước sang vườn nhà bà Th, rồi đi đến vị trí để ống dùng hai tay tháo khóa chốt lấy 01 đoạn ống vác trên vai, tay còn lại cầm khóa chốt đi quay lại chỗ để xe. Khi ra đến đường QL 38, T để khóa chốt ở bụng xe, còn đoạn ống để phía sau yên xe, T dùng tay trái giữ thẳng bằng, tay phải điều khiển xe chở đoạn ống vừa chiếm đoạt được đến bán cho ông Vũ Văn G, sinh năm 1963 ở thôn T, xã Th được 340.000 đồng. Cứ như vậy, sau 02 đến 03 ngày T lại đến lấy một lần, tổng số 9 lần

T chiếm đoạt được 11 ống và 11 khóa chốt, trong đó 07 lần đầu T lấy được 07 ống và 07 khóa chốt đến bán cho ông G được tổng số tiền 2.380.000 đồng; 02 lần sau T lấy mỗi lần 02 ống và 02 khóa chốt, tổng là 04 ống và 04 khóa chốt, sau đó mang bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của bà Hoàng Thị H, sinh năm 1970 ở thôn C, xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên được 1.100.000 đồng. Ngày 30/6/2021, anh D đến vườn nhà bà Th kiểm tra thì phát hiện bị mất 07 ống dẫn bê tông và 07 khóa chốt, tiếp đến ngày 04/7/2021 anh phát hiện bị mất thêm 04 ống dẫn bê tông và 04 khóa chốt nên làm đơn trình báo cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện. Ngày 07/7/2021, Đoàn Văn T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Giang tự thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngày 7/7/2021, ông G tự nguyện giao nộp 07 ống dẫn bê tông và 07 khóa chốt, ngày 08/7/2021, bà H tự nguyện giao nộp 04 ống dẫn bê tông và 04 khóa chốt cho Cơ quan điều tra để phục vụ việc điều tra, giải quyết vụ án.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 09/7/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND huyện Bình Giang, kết luận: 11 ống bơm tĩnh (dẫn bên tông tươi) của anh D trị giá $(11 \times 952.000 \text{ đồng/ống}) = 10.472.000$ đồng; 11 khóa chốt bằng kim loại của anh D trị giá $(11 \times 222.000 \text{ đồng/khóa}) = 2.442.000$ đồng. Tổng trị giá tài sản của anh D là 12.914.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKS ngày 08 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đã truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 1 Điều 46; Điều 48 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 13 đến 16 tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ (07/7/2021);

Hình phạt bổ sung: không đề nghị;

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 579; khoản 1, khoản 4 Điều 580 Buộc bị cáo phải hoàn trả cho ông Vũ Văn G số tiền 2.380.000 đồng; hoàn trả bà Hoàng Thị H số tiền 1.100.000 đồng;

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định;

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh D, nội dung tình tiết như mô tả ở trên; bị cáo nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại là anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai tại cơ quan điều tra: Anh D đã bị trộm cắp chiếm đoạt 11 ống bơm tĩnh, 11 khóa chốt bằng kim loại.

Anh đã nhận lại được tài sản do cơ quan điều tra thu hồi của bị cáo và trả lại cho anh, anh đề nghị xử lý bị cáo theo quy định, không yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đã có lời khai tại cơ quan điều tra là ông Vũ Văn G yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 2.380.000 đồng; bà Hoàng Thị H yêu cầu bị cáo hoàn trả 1.100.000 đồng tiền đã bỏ ra mua tài sản bị cáo đem bán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng trong vụ án và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/6/2021 đến ngày 04/7/2021, tại vườn nhà bà Nguyễn Thị Th ở thôn Châu Khê, xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, Đoàn Văn T đã lén lút chiếm đoạt của anh Phạm Văn D 11 ống bơm tĩn (ống dẫn bê tông tươi) và 11 khóa chốt bằng kim loại. Tổng trị giá tài sản T chiếm đoạt của anh D là 12.914.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức rõ được hậu quả nguy hiểm nhưng vẫn thực hiện hành vi là có lỗi cố ý. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản, được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt, đã bị xử lý vi phạm hành chính, bị Tòa án kết tội 02 lần. Trong đó đối với bản án số 14/ST ngày 30/12/2003, TAND huyện A, tỉnh Hưng Yên xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản chiếm đoạt là 2.305.000 đồng). Ngày 28/01/2005, Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án. Đối với phần án phí hình sự sơ thẩm bị cáo chưa chấp hành nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã hết thời hiệu thi hành phần bản án (về án phí) theo quy định tại Điều 70 Bộ luật hình sự, nên đã được xóa án tích. Đối với Bản án số

37/2014/HSST ngày 29/9/2014, TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 26/5/2016, T chấp hành xong toàn bộ bản án, nên cũng đã được xóa án tích.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú khai nhận hành vi phạm tội. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *Phạm tội 02 lần trở lên*, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo, răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông Vũ Văn G và bà Hoàng Thị H không biết tài sản mua của bị cáo là tài sản do phạm tội mà có, cơ quan điều tra không xem xét, xử lý ông G, bà H về trách nhiệm hình sự là có cơ sở.

Ông G, bà H có yêu cầu bị cáo hoàn trả tiền đã bỏ ra mua tài sản. Xét các hợp đồng mua bán tài sản này vô hiệu, nên bị cáo phải hoàn trả lại cho ông G, bà H tiền đã nhận. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu hoàn trả của ông G, bà H.

[7] Đối với xe máy mà bị cáo sử dụng để vận chuyển tài sản trộm cắp, bị cáo đã trả cho người bạn tên là Đức, nhưng không biết cụ thể về người này, không nhớ biển kiểm soát xe, nên cơ quan điều tra không quản lý được xe máy. Các vật chứng là tài sản bị trộm cắp đã trả cho chủ sở hữu là phù hợp;

[8]. Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 131, Điều 579, Điều 580 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo 14 (mười bốn) tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ (07/7/2021)

Buộc bị cáo phải hoàn trả ông Vũ Văn G số tiền 2.380.000 đồng; hoàn trả bà

Hoàng Thị H số tiền 1.100.000 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông G, bà H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bị cáo Đoàn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Đoàn Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường